Câu 1. Thành phần nào của website thể hiện cách phân loại thông tin theo các chủ đề?

A. Tên website. B. Địa chỉ website. C. Bảng chọn nội dung. D. Công cụ tìm kiếm.

Câu 2. Để đọc các thông tin liên quan đến bóng đá trên website báo *Tiền Phong*, em chọn mục nào trên bảng chọn nội dung được đặt ở đầu trang?

A. Xã hội. B. Thể thao. C. Giới trẻ. D. Văn hoá.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Sử dụng máy tính thành thạo giúp em làm được nhiều việc hơn.

B. Sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản giúp em tạo được những bài trình chiếu đẹp và hấp dẫn.

C. Sử dụng thành thạo phần mềm Zoom giúp em có thể tham gia các khoá học trực tuyến bất cứ lúc nào.

D. Sử dụng thành thạo website *google.com* giúp em dễ dàng tìm kiếm những thông tin mình cần.

Câu 4. Trong các phần mềm dưới đây, phần mềm nào giúp em luyện gõ bàn phím?

A. Basic Mouse Skills. B. Microsoft Word. C. Google Earth. D. RapidTyping.

Câu 5. Trong các phần mềm dưới đây, phần mềm nào giúp em giải trí?

A. B. C. D.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **đúng**?

A. Em chỉ có thể tìm kiếm thông tin trên Internet.

B. Để tính chu vi hình chữ nhật, em chỉ cần biết thông tin về chiều dài của hình chữ nhật đó.

C. Scratch là ngôn ngữ lập trình được nghiên cứu và phát triển bởi nhóm nghiên cứu Lifelong Kindergarten, thuộc trung tâm Media Lab của Viện công nghệ Massachusetts.

D. Thông tin về thời tiết là không cần thiết khi em đi du lịch nước ngoài.

Câu 7. Ứng dụng nào sau đây không giúp em chia sẻ thông tin?

A. B. C. D.

Câu 8: Hợp tác trong tìm kiếm thông tin giúp em

A. tìm được nhanh, nhiều thông tin phù hợp.

B. B. tìm được địa chỉ website

c. tìm được bảng chọn nội dung

d. tìm được hệ điều hành của máy chủ.

Câu 9: Biểu tượng thể hiện

a. không có ổ đĩa trong

LIVEWORKSHEETS

b. không có ổ đĩa ngoài.
c. ổ đĩa ngoài đã được kết nối với máy tính.
d. ổ đĩa trong đã được kết nối với máy tính.

Câu 10: Để ngắt kết nối với ổ đĩa ngoài, em chọn

a. Design. b. Insert c. Unikey d. Eject Mass Storage.

Câu 11: Thực hiện kết nối và ngắt kết nối ổ đĩa ngoài đúng cách giúp

A. tránh làm hỏng thiết bị. B. chuyển thông tin nhanh hơn.

C. tạo dữ liệu cá nhân. D. tăng bộ nhớ máy tính.

Câu 12: Yếu tố cần để giải quyết được vấn đề là

A. thông tin. B. tính sáng tạo. C. khả năng ngôn ngữ. D. hệ điều hành của máy chủ.

Câu 13: Khi chưa có thông tin phù hợp, em cần

A. thay đổi hệ điều hành. B. nâng cấp bộ nhớ.

C. tạo tệp cơ sở dữ liệu. D. thu thập và tìm kiếm thông tin.

Câu 14: Thông tin dùng trong giải quyết vấn đề phải

A. có nhiều dữ liệu. B. được nhiều người tìm kiếm.

C. chính xác và phù hợp. D. có dung lượng thấp.

Câu 15: Để có thông tin về phương thức điều trị một loại bệnh, em nên

A. hỏi bác sĩ có chuyên môn về loại bệnh đó B. tìm kiếm trên Internet.

C. sử dụng các bài thuốc dân gian. D. làm theo lời khuyên của hàng xóm.

Câu 16: Phát biểu **không** đúng về làm việc nhóm là

A. cần phân công công việc dựa vào điểm mạnh của mỗi người.

B. cần có tinh thần trách nhiệm.

C. mỗi người chỉ cần quan tâm đến phần việc của mình

D. cần thảo luận, góp ý và giúp đỡ lẫn nhau.

Câu 17: Thông tin nào sau đây là **không** phù hợp cho nội dung bài thuyết trình về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

A. Thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa. B. Cách đóng cọc trên sông Bạch Đằng

C. Kết quả của cuộc khởi nghĩa D. Nhà nước Văn Lang.

Câu 18: Em có thể tìm kiếm thông tin trên Internet bằng cách nào?

A. Sử dụng mạng xã hội. B. Sử dụng phần mềm Microsoft Teams.

C. Sử dụng thư điện tử. D. Sử dụng máy tìm kiếm google.com.

Câu 19: Phát biểu nào **không** đúng về tìm kiếm thông tin trong giải quyết vấn đề?

A. Để giải quyết vấn đề em cần đưa ra quyết định dựa vào những thông tin mà mình đã tìm kiếm được.

B. Bất kì thông nào em tìm kiếm được cũng giúp giải quyết vấn đề.

C. Thiếu thông tin sẽ khiến em gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề.

LIVEWORKSHEETS

D. Có đủ thông tin sẽ giúp em giải quyết vấn đề tốt hơn.

Câu 20: _____ là quyền quyết định ai được sử dụng, sao chép, thay đổi nội dung thông tin đó.

A. Bản quyền nội dung thông tin. B. Thông tin. C. Ngôn ngữ. D. Hệ điều hành.

Câu 21: Bản quyền nội dung thông tin được cấp cho tác giả hoặc _____ của nội dung thông tin.

A. đạo diễn B. diễn viên. C. ca sĩ. D. chủ sở hữu.

Câu 22: Trường hợp nào sau đây là không tôn trọng bản quyền nội dung thông tin?

A. Ghi rõ nguồn trích dẫn của tác phẩm sử dụng. B. Ghi tên tác giả, tác phẩm.

C. Tải nhạc bất hợp pháp. D. Thay đổi tác phẩm gốc khi đã xin phép chủ sở hữu.

Câu 23: Hành vi không vi phạm bản quyền nội dung thông tin là

A. Tải phim đưa lên các trang web khi chưa xin phép. B. Sử dụng tác phẩm mà không xin phép tác giả.

C. Sao chép bài của bạn. D. Cắt ghép các video sau khi xin phép tác giả.

Câu 24: Thông tin không có tính riêng tư là

A. bài hát trên Youtube. B. nội dung thư. C. nội dung nhật kí. D. mật khẩu.

Câu 25: Các lệnh dùng để sao chép khối văn bản là

A. Home và Insert B. Draw và Design C. Copy và Paste D. Layout và References

Câu 26: Để lưu văn bản, em chọn lệnh

A. Paste B. Copy C. Cut D. Save

Câu 27: Các lệnh dùng để di chuyển khối văn bản là

A. Home và Insert. B. Draw và Design. C. Cut và Paste. D. Layout và References.

Câu 28: Để xoá khối văn bản, em chọn lệnh

A. Paste B. Copy C. Cut D. Delete

Câu 29: Sau khi xóa và di chuyển khối văn bản, em sử dụng lệnh **Save** để

A. lưu văn bản đã chỉnh sửa B. xoá văn bản C. di chuyển văn bản D. sao chép văn bản

Câu 30: Lệnh Picture Tools nằm trong dải lệnh

A. Design B. Layout C. Format D. Home

Câu 31: Để chọn màu cho đường viền ảnh, em chọn

A. Weight B. Paragraph C. Picture Border D. References

Câu 32: Muốn tìm ảnh từ Internet trong Word, em sử dụng lệnh

A. Paste B. Copy C. Insert D. Online Pictures

LIVEWORKSHEETS